

## **Thủ tục 4: Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### *Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:*

Tổ chức, công dân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho tổ chức, công dân hoàn thiện bổ sung.
- Nếu hồ sơ hợp lệ, vào phần mềm theo dõi; viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; lập phiếu giao nhận hồ sơ chuyển Chi cục Bảo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

#### *Bước 2: Thẩm định:*

Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ; nếu không đủ cơ sở giải quyết, tham mưu văn bản gửi trả lại hồ sơ; nếu đủ cơ sở giải quyết, tổ chức đoàn kiểm tra.

Gửi báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án cho các thành viên đoàn kiểm tra.

Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và tiến hành kiểm tra thực địa; kết quả kiểm tra thực địa được thể hiện bằng biên bản kiểm tra

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường có thể mời thêm đơn vị giám sát chất lượng công trình, chất lượng môi trường và một số đơn vị liên quan tham gia đoàn kiểm tra- Trong quá trình thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thuê cơ quan có chức năng để đo đạc, lấy mẫu kiểm chứng các thông tin, số liệu trong báo cáo.

Trường hợp hạng mục, công trình đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường có chất lượng và khối lượng không phù hợp với phương án, phương án bổ sung đã được phê duyệt, thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện và hoàn chỉnh hồ sơ theo thông báo, nộp lại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để được xem xét, xác nhận.

#### *Bước 3: Phê duyệt:*

Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

#### *Bước 4: Trả kết quả:*

Tổ chức, công dân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.
- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

+ 01 Văn bản đề nghị hoàn thành từng phần phương án theo Mẫu tại Phụ lục số 6.1 (kèm theo);

+ 07 Báo cáo hoàn thành từng phần phương án theo Mẫu tại Phụ lục số 6.2 (kèm theo).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**4. Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian phân tích mẫu chất thải).

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan được giao thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phụ lục 6.1. Văn bản đề nghị hoàn thành từng phần phương án (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Phụ lục 6.2. Báo cáo hoàn thành từng phần phương án (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**10. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 2736/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

**Phụ lục 6.1.**

**Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

V/v đề nghị đề nghị kiểm tra,  
 xác nhận hoàn thành từng  
 phần phương án “ ... (2) ... ”

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ phương án “ ... (2) ... ”

- Địa điểm thực hiện phương án: ...
- Địa chỉ liên hệ: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 07 (bảy) bản báo cáo hoàn thành từng phần phương án;
- 01 (một) bản sao phương án kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt phương án “... (2) ... ”;

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị ... (3) ... xem xét, báo cáo cải tạo, phục hồi môi trường..(2).. của chúng tôi./.

**Nơi nhận:**

... (5) ...

- Như trên;

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu ...

**Ghi chú:** (1) Cơ quan tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (3) Cơ quan tổ chức việc thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (4) Cơ quan đã ra quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (5) Thủ trưởng cơ quan tổ chức, cá nhân.

## **Phụ lục 6.2. Báo cáo hoàn thành từng phần phương án**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

### **BÁO CÁO**

#### **HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG “... (2) ...” (Lần thứ...)**

##### **I. Thông tin chung**

1. Địa điểm thực hiện: ...

2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Tổ chức, cá nhân: ...

Địa chỉ liên hệ: ...Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

3. Tên cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có):

Địa chỉ: ...Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

4. Tổng số tiền ký quỹ:.....

Số tiền đã ký quỹ:.....tại Quỹ bảo vệ môi trường...

Số tiền đã rút:...

##### **II. Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành**

1. Nội dung hoàn thành:

- Trình bày nội dung tổng thể và chi tiết đã hoàn thành theo từng giai đoạn hoặc toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt và yêu cầu của quyết định phê duyệt;

- Nêu mục tiêu tổng quát và chất lượng đạt được của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

2. Các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành

- Mô tả chi tiết các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành theo phương án đã được phê duyệt;

- Khối lượng công việc thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành;

- Khối lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh (không có trong kế hoạch) để thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra;

- Công tác quản lý và giám sát môi trường để thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra;

- Lập bảng khối lượng công việc đã hoàn thành, thời gian và kinh phí thực hiện:

TT	Các công trình đã hoàn thành	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian hoàn thành	Ghi chú

### **III. Kết quả giám sát và giám định**

#### **1. Kết quả giám sát**

- Trình bày chuỗi số liệu về hiện trạng môi trường tại khu vực theo báo cáo giám sát môi trường hàng năm mà tổ chức, cá nhân đã cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá kết quả chất lượng môi trường từ bắt đầu triển khai thi công công trình đến khi kết thúc thi công công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **2. Kết quả giám định**

- Kết quả giám định kỹ thuật của đơn vị giám định các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành (nêu rõ chỉ tiêu đạt được, chỉ tiêu chưa đạt được và nguyên nhân).

- Số liệu giám sát, kết quả phân tích, kết quả giám định được sao gửi kèm báo cáo.

### **IV. Đánh giá, đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Đánh giá kết quả đạt được:**

#### **2. Đề xuất, kiến nghị:**

- Đề xuất thay đổi kinh phí ký quỹ do thay đổi hệ số trượt giá, định mức, đơn giá của địa phương, ngành.

- Kiến nghị: cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ của các nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

### **V. Phụ lục**

- Các đơn giá, định mức sử dụng.

- Giấy xác nhận đã nộp tiền ký quỹ.

- Bản đồ không gian trước và sau quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Kết quả giám sát môi trường.

- Kết quả giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; giám định môi trường.

## **Thủ tục 5: Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### *Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:*

Tổ chức, công dân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho tổ chức, công dân hoàn thiện bổ sung.
- Nếu hồ sơ hợp lệ, vào phần mềm theo dõi; viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; lập phiếu giao nhận hồ sơ chuyển Chi cục Bảo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

#### *Bước 2: Thẩm định:*

- Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra, xem xét hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện, tham mưu văn bản trả lại, hướng dẫn Chủ dự án bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Nếu hồ sơ đủ điều kiện, tham mưu Giám đốc Sở cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án.

#### *Bước 3: Phê duyệt:*

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; trường hợp chưa đủ điều kiện xác nhận hoặc không xác nhận có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

#### *Bước 4: Trả kết quả:*

Tổ chức, công dân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.
- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo Mẫu tại Phụ lục 7.1 (kèm theo).

- 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử) theo Mẫu tại Phụ lục 7.2, 7.3 (kèm theo).

- 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án (kèm theo bản điện tử).

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

**4. Thời hạn giải quyết:** 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan được giao thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường;
- Kế hoạch bảo vệ môi trường.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phụ lục 7.1. Văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

- Phụ lục 7.2, 7.3. Mẫu Bia, Bản kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

**10. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 2736/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

**Phụ lục 7.1.**

**Văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở**  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

(1)

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đăng ký kế hoạch bảo vệ  
môi trường của (2)

Kính gửi: (3)

(1) Là chủ đầu tư của (2), thuộc đối tượng phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường quy định tại mục số ..., cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Chúng tôi đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường như sau:

Tên của (1): .....

Địa điểm thực hiện của (2): .....

Địa chỉ liên hệ của (1): ...; Điện thoại: ...; Fax: .....; E-mail: .....

Chúng tôi gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Một (01) báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Một (01) bản điện tử của các hồ sơ nêu trên.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của (2)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(3) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.



**Phụ lục 7.2. Mẫu trang bìa và trang phụ bìa:**  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)

<p>(1)</p> <p><b>KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b></p> <p>của (2)</p>	
<p><b>ĐẠI DIỆN (*)</b> (Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))</p>	<p><b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)</b> (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)</p>
<p>(**), tháng... năm ...</p>	

**Ghi chú:**

(1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

(2) Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

(\*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.

(\*\*) Ghi địa danh cấp huyện nơi thực hiện hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**Phụ lục 7.3. Cấu trúc và nội dung Bản kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở**  
(ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)

**MỤC LỤC**

**Danh mục các từ và các ký hiệu viết tắt**  
**Danh mục các bảng, các hình vẽ,...**

**MỞ ĐẦU**

**Chương 1**

**MÔ TẢ SƠ LƯỢC VỀ**

**DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ**

**1.1. Thông tin chung về dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án):**

- Tên gọi của dự án (theo dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng).
- Tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; người đại diện theo pháp luật của chủ dự án; nguồn vốn và tiến độ thực hiện dự án.
- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án.
- Vị trí địa lý (các điểm mốc tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án.

**1.2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án:** Liệt kê các loại nguyên, nhiên liệu sử dụng và các sản phẩm của dự án.

**1.3. Các hạng mục công trình của dự án**

- Các hạng mục công trình chính: dây chuyền sản xuất sản phẩm chính, hạng mục đầu tư xây dựng chính của dự án.
- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải; bưu chính viễn thông; cung cấp điện; cung cấp nước; giải phóng mặt bằng;...
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: thu gom và thoát nước mưa; thu gom và thoát nước thải; xử lý nước thải (sinh hoạt, công nghiệp,...); xử lý bụi, khí thải; công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn; các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, khí thải; ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ và các công trình bảo vệ môi trường khác.

Đối với các dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động, trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu; các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung; tính liên thông, kết nối với các hạng mục công trình hiện hữu với công trình đầu tư mới.

**1.4. Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án**

- Làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án. Tổng hợp dữ liệu (nêu rõ nguồn số liệu sử dụng) về hiện trạng môi trường khu vực triển khai dự án trong thời gian ít nhất 02 năm gần nhất, trong đó làm rõ: chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực

tiếp nguồn khí thải của dự án, môi trường nước mặt tiếp nhận trực tiếp nước thải của dự án.

- Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp phải báo cáo bổ sung tình trạng hoạt động của khu công nghiệp; sơ bộ về hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thành của khu công nghiệp và sự đáp ứng tiếp nhận chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

## **Chương 2**

### **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN; DỰ BÁO CÁC LOẠI CHẤT THẢI PHÁT SINH VÀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **Nguyên tắc chung:**

- Việc dự báo tác động của dự án đến môi trường được thực hiện theo các giai đoạn triển khai xây dựng dự án và khi dự án đi vào vận hành.

- Đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở đang hoạt động phải dự báo tổng hợp tác động môi trường của cơ sở cũ và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất, thay đổi công nghệ của dự án mới.

#### **2.1. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án**

2.1.1. Dự báo các tác động: Dự báo sơ bộ các tác động đến môi trường của giai đoạn, trong đó tập trung vào các hoạt động chính như: vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án); vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có công trình xây dựng); làm sạch đường ống, làm sạch các thiết bị sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của dự án (như: làm sạch bằng hóa chất, nước sạch, hơi nước, ...).

##### 2.1.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

- Về nước thải: Mô tả quy mô, công suất, công nghệ các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp (nếu có):

+ Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của từng nhà thầu thi công, xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Công trình thu gom, xử lý các loại chất thải lỏng khác như hóa chất thải, hóa chất súc rửa đường ống, ...), đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Mỗi công trình xử lý nước thải phải có bản vẽ thiết kế cơ sở của từng hạng mục và cả công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: Mô tả quy mô, vị trí của khu vực lưu giữ tạm thời các loại chất thải.

- Về bụi, khí thải: Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng dự án, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

## **2.2. Dự báo tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

2.2.1. Dự báo các tác động: Việc dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Tác động của các nguồn phát sinh chất thải (chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt, các loại chất thải lỏng khác).

- Đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp, phải bổ sung tác động từ việc phát sinh nước thải của dự án đối với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp; khả năng tiếp nhận, xử lý của công trình xử lý nước thải hiện hữu của khu công nghiệp đối với khối lượng nước thải phát sinh lớn nhất từ hoạt động của dự án.

### 2.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

Yêu cầu chung: Trên cơ sở kết quả dự báo các tác động tại Mục 2.2.1 nêu trên, chủ dự án phải căn cứ vào từng loại chất thải phát sinh (với lưu lượng và tải lượng ô nhiễm lớn nhất) để đề xuất lựa chọn các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường quy định.

a) Về công trình xử lý nước thải (bao gồm: các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và các loại chất thải lỏng khác):

- Mô tả quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải.

- Các thông số cơ bản của từng các hạng mục thành phần và của cả công trình xử lý nước thải, kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở (đưa vào Phụ lục báo cáo).

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

b) Về công trình xử lý bụi, khí thải:

- Thực hiện như đối với nước thải.

- Đề xuất vị trí, thông số lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định).

c) Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại): Thực hiện như đối với nước thải.

d) Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và khí thải (đối với trường hợp phải lắp đặt): Thực hiện như đối với nước thải.

### 2.2.3. Tiến độ hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

## **Chương 3**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **3.1. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

**3.2. Kế hoạch quan trắc môi trường:** Kế hoạch quan trắc môi trường được xây dựng theo từng giai đoạn của dự án, gồm: thi công xây dựng và vận hành thương mại,

cụ thể: Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng của dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường với tần suất tối thiểu 06 tháng/01 lần.

**Cam kết của chủ dự án, cơ sở**

Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường.

Chúng tôi gửi kèm theo dưới đây Phụ lục các hồ sơ, văn bản có liên quan đến dự án, cơ sở (nếu có và liệt kê cụ thể).

**Phụ lục**

(Các Phụ lục I, II,...)

## **Thủ tục 6: Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại**

### **1. Trình tự thực hiện:**

*Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:*

Tổ chức, công dân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho tổ chức, công dân hoàn thiện bổ sung.
- Nếu hồ sơ hợp lệ, vào phần mềm theo dõi; viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; lập phiếu giao nhận hồ sơ chuyển Chi cục Bảo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

*Bước 2: Thẩm định:*

Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra, xem xét hồ sơ:

Nếu hồ sơ đủ điều kiện, cấp/cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, Chi cục Bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở và có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chủ nguồn thải CTNH sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

\* Lưu ý: Trường hợp các cá nhân, tổ chức không phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT) phải thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1. Chủ nguồn thải CTNH lập báo cáo quản lý CTNH lần đầu (mẫu quy định tại Phụ lục 4.A) và nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản tiếp nhận ngay khi nhận được báo cáo quản lý CTNH. Văn bản tiếp nhận này hoặc giấy xác nhận của đơn vị có chức năng chuyên phát bưu phẩm kèm theo một bản sao báo cáo quản lý CTNH lần đầu có giá trị tương đương Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

*Bước 3: Phê duyệt:*

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH hoặc Văn bản từ chối cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

*Bước 4: Trả kết quả:*

Tổ chức, công dân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- 01 Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo Mẫu tại Phụ lục 9.1 (kèm theo).

- 01 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương.

**\* Đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bao gồm các giấy tờ sau:**

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;

- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;

- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM (trừ trường hợp tích hợp vào thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải);

- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường.

- Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký).

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

### **4. Thời hạn giải quyết:**

+ 08 ngày làm việc;

+ 15 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 8 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

\*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH phải đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan được giao thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường.

### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH hoặc Văn bản từ chối cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Phụ lục 9.1. Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH).

**10. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH;
- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.



**Phụ lục 9.1. Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH)

.....(1).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**(cấp mới/cấp lại)**

Kính gửi: .....(2).....

**1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:**

1.1. Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Loại hình (ngành nghề) hoạt động#:

Điện thoại Fax: E-mail:

**2. Dữ liệu về sản xuất:**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị (dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

**3. Dữ liệu về chất thải:**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	Tổng số lượng			

## 3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khối lượng				

## 4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trưng dương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

.....(3).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;

(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;

# Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hoá chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thủy tinh...); sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.

## **Thủ tục 7: Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại**

### **1. Trình tự thực hiện:**

*Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:*

Tổ chức, công dân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho tổ chức, công dân hoàn thiện bổ sung.
- Nếu hồ sơ hợp lệ, vào phần mềm theo dõi; viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; lập phiếu giao nhận hồ sơ chuyển Chi cục Bảo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

*Bước 2: Thẩm định:*

Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm tra, xem xét hồ sơ:

Nếu hồ sơ đủ điều kiện, cấp/cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đông xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, Chi cục Bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở và có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chủ nguồn thải CTNH sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

\* Lưu ý: Trường hợp các cá nhân, tổ chức không phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT) phải thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1. Chủ nguồn thải CTNH lập báo cáo quản lý CTNH lần đầu (mẫu quy định tại Phụ lục 4.A) và nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

Bước 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản tiếp nhận ngay khi nhận được báo cáo quản lý CTNH. Văn bản tiếp nhận này hoặc giấy xác nhận của đơn vị có chức năng chuyển phát bưu phẩm kèm theo một bản sao báo cáo quản lý CTNH lần đầu có giá trị tương đương Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

*Bước 3: Phê duyệt:*

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH hoặc Văn bản từ chối cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

*Bước 4: Trả kết quả:*

Tổ chức, công dân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- 01 Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo Mẫu tại Phụ lục 10.1 (kèm theo).

- 01 Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương.

*\* Đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bao gồm các giấy tờ sau:*

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;

- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;

- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM (trừ trường hợp tích hợp vào thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải);

- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường.

- Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

### **4. Thời hạn giải quyết:**

+ 08 ngày làm việc;

+ 15 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 8 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

\*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH phải đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Cơ quan được giao thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường.

### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH hoặc Văn bản từ chối cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Phụ lục 9.1. Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH).

**10. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

**Phụ lục 10.1. Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH)

.....(1).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**(cấp mới/cấp lại)**

Kính gửi: .....(2).....

**1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:**

1.1. Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại:                      Fax:                      E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:                      ngày cấp:                      nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số:                      ngày cấp:                      nơi cấp:

Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Loại hình (ngành nghề) hoạt động<sup>#</sup>:

Điện thoại                      Fax:                      E-mail:

**2. Dữ liệu về sản xuất:**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị (dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

**3. Dữ liệu về chất thải:**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

## 3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khối lượng				

**4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):**  
(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

.....(3).....  
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;

(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;

\* Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hoá chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thủy tinh...); sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.

**Thủ tục 8: Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt**

**1. Trình tự thực hiện:**

*Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:*

Tổ chức, công dân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cho tổ chức, công dân hoàn thiện bổ sung.
- Nếu hồ sơ hợp lệ, vào phần mềm theo dõi; viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; lập phiếu giao nhận hồ sơ chuyển Chi cục Bảo vệ môi trường để tổ chức thẩm định.

*Bước 2: Thẩm định:*

Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ; nếu không đủ cơ sở giải quyết, tham mưu văn bản gửi trả lại hồ sơ; nếu đủ cơ sở giải quyết, tổ chức lấy ý kiến ít nhất 03 chuyên gia để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

*Bước 3: Phê duyệt:*

UBND tỉnh xem xét ban hành văn bản chấp thuận; trường hợp chưa đủ điều kiện hoặc không chấp thuận, có văn bản nêu rõ lý do.

*Bước 4: Trả kết quả:*

Tổ chức, công dân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**2. Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.
- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo Mẫu tại Phụ lục số 3.1 (kèm theo).
- Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu tại Phụ lục số 3.2 (kèm theo).

**b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).**

**4. Thời hạn giải quyết:** 11 ngày làm việc (Sở Tài nguyên và Môi trường 08 ngày làm việc; UBND tỉnh 03 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án.

**6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Thái Bình



- Cơ quan được giao thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

**8. Lệ phí:** Không

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phụ lục 3.1: Văn bản đề nghị thay đổi của Chủ dự án (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

- Phụ lục 3.2: Báo cáo về các nội dung thay đổi (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

**10. Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 2736/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của UBND tỉnh Thái Bình ban hành quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.